

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG HIẾU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU TRUNG HIẾU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH ĐT XNK TRUNG HIẾU

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502502351

**3. Ngày thành lập:** 27/06/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

7/31/1 Phước Thắng, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0384.500.493

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                          | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình; lắp đặt thiết bị nội thất nhôm kính                                                                                                                                                                          | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;                                                                                                                                                                                                                | 4610     |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Mua bán hàng nông lâm sản nguyên liệu; Mua bán thức ăn gia súc, gia cầm;                                                                                                                                   | 4620     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                          | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị công nghiệp ngành dầu khí, hàng hải, xây dựng | 4659     |
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán dầu nhớt, dầu thô, bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                                      | 4661     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Mua bán sắt, thép, ống thép, kim loại màu (kết cấu thép, thép phôi, sắt thép xây dựng, tôn, thép lá, thép tấm); ống mạ kẽm; nhôm, inox, lưỡi thép.                                                                                                                                                                 | 4662        |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, ; Bán buôn xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng; sơn, vécni gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh (ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su); vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                      | 4663(Chính) |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán phân bón các loại; Mua bán phế liệu, rác thải phế liệu, phế liệu kim loại màu, phá ô tô cũ, tàu thuyền cũ làm phế liệu; Kinh doanh thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị an toàn cứu hộ, phao cứu sinh; Kinh doanh đồ bảo hộ lao động; Mua bán hóa chất công nghiệp phục vụ ngành dầu khí | 4669        |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8230        |
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6810        |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                        | 6820        |
| 15. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2591        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng bằng ô tô;                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4933        |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510        |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5610        |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5621        |
| 20. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5630        |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị ngành dầu khí; Cho thuê container                                                                                                                                                                       | 7730        |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7911        |
| 23. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7912        |
| 24. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7990        |
| 25. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt<br>Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh công nghiệp, vệ sinh văn phòng, nhà xưởng;                                                                                                                                                                                                                                           | 8129        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Sản xuất điện<br>Chi tiết: Sản xuất thủy điện, điện năng lượng mặt trời                                                                                                 | 3511 |
| 27. | Truyền tải và phân phối điện                                                                                                                                            | 3512 |
| 28. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 29. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 30. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 31. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 32. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 33. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 34. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật                                                    | 4299 |
| 35. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 36. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 38. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Mua bán mica, khung nhôm, sơn, sắt, inox, gương kính  | 4752 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VÕ VƯƠNG HIẾU

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/08/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077193000322

Ngày cấp: 12/08/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 7/9A Phước Thắng, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 7/9A Phước Thắng, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VÕ VƯƠNG HIẾU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/08/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077193000322

Ngày cấp: 12/08/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 7/9A Phước Thắng, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 7/9A Phước Thắng, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu